TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình

2. Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Nguyệt T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H). Địa chỉ: Số B N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H- Chi nhánh L. Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Ủy quyền lại: Ông Lê Công K, sinh năm 1989, chức vụ: Chuyên viên khách hàng. Địa chỉ: Số B, Đỗ Tường P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền số 017/2023/GUQ-HDBank ngày 03/8/2023), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Nguyệt T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An vào ngày 11/7/2000. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1.

Về nuôi con chung: Bà và ông T1 có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Lê Thanh Thảo N, sinh năm 2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Lê Thanh Thảo N1, sinh ngày 17/01/2011, hiện nay đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thảo N1, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H và đã được Tòa án giải quyết theo quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 48/2023/QĐCNHGT ngày 10/10/2023. Hiện nay bà đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 150.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 186.332 đồng và tiền lãi quá hạn 88.404 đồng, còn nợ lại số tiền 1.046.783.856 đồng.

Ông Nguyễn Thanh T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên không có trình bày.

Ông Lê Công K là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại văn bản xin vắng mặt: Yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 và bà Lê Thị Nguyệt T tiếp tục thi hành nghĩa vụ đối với Ngân hàng theo quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 48/2023/QĐCNHGT ngày 10/10/2023. Tính đến ngày 14/11/2023, ông T1 và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 1.046.783.856 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Nguyệt T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1 cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1 và ông Lê Công K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và ông K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Nguyệt T và ông Nguyễn Thanh T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã T

(nay là thành phố T), tỉnh Long An vào ngày 11/7/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà T, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà T, thể hiện việc ông T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Lê Thanh Thảo N, sinh năm 2002 và Nguyễn Lê Thanh Thảo N1, sinh ngày 17/01/2011.

Xét thấy, con chung tên Thảo N hiện nay đã trưởng thành, sống tự lập được nên không xem xét việc nuôi dưỡng; Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Thảo N1, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của con chung mong muốn được sống cùng với mẹ nên cần giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Thanh T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ngày 16/12/2021, bà T và ông T1 có vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/12/2021; trả lãi định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, thời gian trả lãi lần đầu vào ngày 20/011/2022; lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/ năm và có thể điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, mục đích vay để người vay bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa theo hợp đồng tín dụng số 47692/21MN/HĐTD ngày 16/12/2021 và khế ước nhận nợ số 47692/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 20/12/20221.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà T và ông T1 đã ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 16/12/2021, tài sản thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 563, tờ bản đồ số 27, diện tích 188,8m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 046012, vào sổ cấp giấy GCN: CH 09516 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Lê Thị Nguyệt T.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay do bà T và ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng có đơn khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết theo quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 48/2023/QĐCNHGT ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Do đó, bà T và ông T1 phải thi hành nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Nguyệt T và ông Nguyễn Thanh T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Thanh Thảo N1, sinh ngày 17/01/2011 cho bà Lê Thị Nguyệt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thanh T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Nguyệt T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003727 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND phường 4, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy